

TALROMA Tablet

Viên nén bao phim Tiropramide 100mg

CẢNH BÁO ĐẶC BIỆT:

- * Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
- * Nếu cần thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.
- * Thuốc này chỉ được bán theo đơn của Bác sĩ.
- * Không dùng quá liều chỉ định
- * Xin thông báo cho Bác sĩ biết nếu xảy ra bất kỳ tác dụng ngoại ý nào trong quá trình sử dụng.
- * Không dùng thuốc quá hạn dùng ghi trên nhãn.
- * Để thuốc xa tầm với của trẻ em.

THÀNH PHẦN: Mỗi viên nén bao phim chứa:

Hoạt chất: Tiropramide HCl 100mg

Tá dược: Microcrystalline cellulose, Corn starch, Povidone, Carboxymethylcellulose Calcium, Light anhydrous silicic acid, Magnesium stearate, Hydroxypropylmethyl cellulose 2910, Polyethyleneglycol 6000, Titanium dioxide.

DƯỢC LỰC HỌC:

Tiropramide có tác dụng chống co thắt phổ rộng trên cơ trơn của đường tiêu hóa, đường tiết niệu và hệ sinh dục. Thuốc ít có hiệu quả trên cơ trơn mạch máu. Trái ngược với papaverine, tiropramide không phải là chất ức chế men phosphodiesterase. Do đó, cơ chế tác động của tiropramide là hoàn toàn khác với cơ chế tác động của papaverine lên cơ trơn.

Tiropramide không phải là một chất chẹn hạch (ganglionic blocker) và thuốc cũng không phải là một chất đối kháng canxi trên kênh canxi.

Tiropramide có ái lực rất thấp đối với calmodulin. Tác dụng chống co thắt cơ trơn của tiropramide không phụ thuộc vào calmodulin.

Tiropramide làm tăng nồng độ cAMP nội bào bởi vì thuốc hoạt hóa sự tổng hợp cAMP và kích thích sự gắn kết của ion Ca^{++} với hệ lưới cơ tương. Sự hoạt hóa sinh tổng hợp cAMP và sự cô lập nội bào của ion canxi có lẽ là cơ chế về mặt phân tử để giải thích về tác dụng chống co thắt của tiropramide.

DƯỢC ĐỘNG HỌC:

Sau khi uống, thuốc được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa và phân bố rộng rãi khắp các mô trong cơ thể. Thuốc được chuyển hóa chủ yếu qua gan và được đào thải qua thận dưới dạng chuyển hóa và một lượng nhỏ được thải trừ qua phân.

CHỈ ĐỊNH:

- Đau do co thắt trong rối loạn trương lực cơ trơn hệ tiêu hóa: Co thắt dạ dày, ruột. Hội chứng ruột bị kích thích, cơn đau quặn bụng, sự kết dính sau phẫu thuật, điều trị hỗ trợ, giảm co thắt và giảm đau trong soi, sinh thiết, đặt catheter.
- Những cơn đau do co thắt cấp tính trong các bệnh cảnh sau: Co thắt đường mật do tắc mật, sỏi mật, sỏi thận và sỏi niệu quản, bệnh viêm túi mật, hoặc sau phẫu thuật đường mật, viêm bả thận, kích thích bàng quang, giảm các triệu chứng đau, đái dầm, đái buốt trong viêm bàng quang và viêm tuyến tiền liệt.
- Các trường hợp co thắt tử cung: Thống kinh, đau bụng kinh, dọa sảy thai, co cứng tử cung, đau vùng khung chậu, cơn đau khi chuyển dạ.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

Cơn đau bán cấp hoặc điều trị duy trì 1 viên/lần x 2-3 lần/ngày.

Liều dùng có thể tăng giảm tùy theo tuổi và triệu chứng của người bệnh

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

- Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh nhân bị chứng hẹp ở đường tiêu hóa do những kích thích từ bên ngoài.
- Bệnh nhân bị phì đại ruột kết.
- Bệnh nhân bị quá mẫn với thuốc này.
- Bệnh nhân bị suy thận nặng.

THẬN TRỌNG:

Cho những bệnh nhân bị bệnh tăng nhãn áp hoặc bị phì đại tuyến tiền liệt mà không có phản ứng kháng tiết cholin.

Nếu có phản ứng phụ trên hệ tiêu hóa nên tránh uống lúc đói và khoảng cách uống xa hơn.

PHẢN ỨNG PHỤ:

- Buồn nôn, nôn, táo bón, ... hiếm khi xảy ra.
- Nếu thấy các phản ứng dị ứng như ngứa, ban đỏ xảy ra thì phải ngừng dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Khi thuốc này dùng với liều tối đa cho bệnh nhân đang điều trị với thuốc hạ huyết áp, có thể làm tăng hiệu quả của thuốc hạ huyết áp.

PHỤ NỮ ĐANG MANG THAI HAY ĐANG CHO CON BÚ:

1. Các nghiên cứu trên động vật cho thấy không có bằng chứng thuốc gây nhiễm độc thai hay quái thai. Cho dù vậy, chỉ dùng thuốc khi cần nhắc thực sự cần thiết (không dùng thuốc trong 3 tháng đầu của thai kỳ)
2. Không dùng thuốc cho bà mẹ đang cho con bú.

TÁC ĐỘNG CỦA THUỐC KHI LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Không có tác động nào đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc được ghi nhận khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU:

Chưa có trường hợp quá liều được ghi nhận. Trong trường hợp quá liều, hãy thông báo cho Bác sĩ hoặc tới bệnh viện gần nhất để được chỉ dẫn và xử lý.

BẢO QUẢN: Trong hộp kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

TIÊU CHUẨN: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.

SỐ ĐĂNG KÝ: VN-15945-12

Sản xuất bởi:

KOREA PRIME PHARM. CO., LTD.

100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-gun, Jeollabuk-do, Korea.